BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI DO LỖI CỦA CƠ QUAN TƯ PHÁP GÂY RA[1]

CHANTAL ARENS
Chánh án Toà án sơ thẩm thẩm quyền rộng EVREUX
Toà Phúc thẩm ROUEN

I. Các vấn đề đặt ra trong việc bồi thường các thiệt hại do lỗi của cơ quan tư pháp gây ra

Do tính chất đặc thù của hoạt động xét xử, trách nhiệm bồi thường của những người tiến hành công tác xét xử cũng như của bản thân Nhà nước cũng phải được thực hiện theo một cơ chế đặc biệt, vì hoạt động tư pháp về cơ bản vốn thuộc đặc quyền của Nhà nước.

Từ khoảng 30 năm trở lại đây, trong một số điều kiện nhất định, Nhà nước có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra bởi những sai sót trong vận hành của các cơ quan tư pháp. Trong lĩnh vực hình sự, cơ quan lập pháp cũng đã có những giải pháp cụ thể và quyền đòi bồi thường được xây dựng theo nguyên tắc trách nhiệm bồi thường thiệt hại không căn cứ vào yếu tố lỗi hay theo bản chất khách quan.

Pháp luật Pháp hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 3 của Nghị định thư số 7 của Công ước về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản, trong đó quy định về quyền đòi bồi thường thiệt hại do sai sót của cơ quan tư pháp gây ra.

1. Hoạt động của các cơ quan tư pháp và trách nhiệm của Nhà nước

1.1. Từ việc truy cứu trách nhiệm của thẩm phán đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do sai sót trong vận hành của cơ quan tư pháp

[1] Sử dụng hình ảnh trên trang idfi.ge (Civillawinfor)

Luật số 72-626 ngày 5 tháng 7 năm 1972 đã huỷ bỏ điều 505 Bộ luật tố tụng dân sự về cơ chế truy cứu trách nhiệm của thẩm phán; điều 505 quy định thẩm phán ngạch tư pháp có thể chịu trách nhiệm cá nhân trong việc bồi thường thiệt hại, đặc biệt trong trường hợp có yếu tố lừa dối, gian lận hoặc lỗi nghề nghiệp nghiêm trọng.

Luật này đã thiết lập một cơ chế bồi thường thiệt hại mới, nêu tại điều L.781-1 của Bộ luật tổ chức tư pháp, theo đó:

Nhà nước có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sai sót trong hoạt động của cơ quan tư pháp gây ra. Trách nhiệm bồi thường chỉ được đặt ra trong trường hợp có lỗi nặng hoặc tội từ chối xét xử.

Trách nhiệm của thẩm phán do có lỗi cá nhân được điều chỉnh bởi quy chế thẩm phán, đối với các thẩm phán thuộc ngạch tư pháp.

Nhà nước bảo đảm cho người dân về việc bồi các thường thiệt hại do trách nhiệm cá nhân của thẩm phán gây ra.

Theo án lệ, cho đến năm 2001, khái niệm "*lỗi nặng*" vẫn được hiểu là *lỗi mắc phải do có sự nhầm lẫn hiển nhiên mà một thẩm phán có trách nhiệm đối với nghĩa vụ của mình không thể phạm phải*.

Khái niệm này đã được phát triển. Theo quyết định ngày 23 tháng 2 năm 2001, của Hội đồng toàn thể thẩm phán Toà án Tư pháp tối cao, mọi sai sót được thể hiện bằng một sự việc hay một loạt sự việc cho thấy cơ quan tư pháp không đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao đều bị coi là lỗi nặng. Từ khi có quyết định này, lỗi nặng có thể được suy ra từ một loạt các sự việc mà nếu xem xét riêng lẻ thì không có tính chất của một lỗi nặng.

Từ chối xét xử là *việc Nhà nước vi phạm nghĩa vụ bảo vệ người dân trước toà án*. Việc toà án không thực hiện hành vi nào trong thời hạn hợp lý cũng bị coi là từ chối xét xử.

Trách nhiệm của Nhà nước được đặt ra khi một cơ quan tư pháp có những sai sót trong hoạt động được thể hiện rõ ràng và được đánh giá một cách khách quan theo những gì mà người dân có quyền mong đợi ở một cơ quan tư pháp mà không cần đánh giá cách cư xử của cá nhân cán bộ trong cơ quan đó.

1. 2. Tính đặc thù của việc thực hiện chức năng xét xử

Sự độc lập của thẩm phán, khả năng thực hiện các phương thức kháng cáo, kháng nghị, hiệu lực pháp luật của bản án là những rào cản cho việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi thẩm phán thực hiện chức năng xét xử của mình. Khi phủ nhận sự tồn tại của lỗi nặng, các toà án phúc thẩm tư pháp cho rằng một bản án, ngay cả khi đã có hiệu lực chung thẩm, vẫn có thể được đưa ra xem xét để xác định trách nhiệm của Nhà nước.

Theo Tham Chính viện, hiệu lực pháp luật của bản án không cho phép xem xét trách nhiệm của Nhà nước nếu như lỗi nặng đã được viện dẫn liên quan đến bản thân nội dung của bản án và bản án đó đã có hiệu lực chung thẩm.

2. Sự can thiệp của cơ quan lập pháp trong lĩnh vực hình sự và tính khách quan của việc bồi thường

Thông qua Luật số 70-643 ngày 17 tháng 7 năm 1970, cơ quan lập pháp đã thừa nhận việc bồi thường những người bị giam giữ mà sau đó được toà án tuyên bố là vô tội. Ngay cả trong trường hợp không có lỗi thì cơ quan nhà nước vẫn phải bồi thường các thiệt hại gây ra cho người dân. Việc tước bỏ quyền tự do không có căn cứ được coi là một trường hợp như vậy vì nó ảnh hưởng đến quyền cơ bản được tự do đi lại của người dân và tác động đến cuộc sống gia đình và nghề nghiệp và đến danh dự của người đó.

Luật số 2000-516 ngày 15 tháng 6 năm 2000 tăng cường bảo vệ nguyên tắc suy đoán vô tội và quyền của người bị hại, đồng thời quy định rằng điều kiện và thời hạn tạm giam phải có giới hạn. Luật này đã thay đổi cơ bản cơ chế bồi thường thiệt hại trong trươờnghợp tạm giam không có căn cứ khi khẳng định nguyên tắc bồi thường tự động mà chúng ta sẽ nghiên cứu ở phần sau.

Luật số 2000-1354 ngày 30 tháng 12 năm 2000 đưa ra các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bồi thường những người được thừa nhận là vô tội sau khi đã bị kết án. Luật này quy định rằng người bị tạm giam không có căn cứ có quyền được *bồi thường* chứ không phải là *đền bù* như trước đây.

II. Các trường hợp đền bù

Bao gồm các trường hợp bồi thường do tạm giam không có căn cứ, đền bù sau khi toà án quyết định không đưa ra xét xử, trả lại tự do hay tuyên bố không có tội và đền bù trong trường hợp kháng cáo, kháng nghị tái thẩm.

1. Bồi thường trong trường hợp tạm giam không có căn cứ

Theo quy định tại điều 149 của Bộ luật tố tụng hình sự: *Không kể trường hợp áp dụng quy định tại các khoản 2 và 3 điều L.781-1 của Bộ luật tổ chức tư pháp, người bị tam giam trong quá trình tố tụng sau đó được miễn tố, tha bổng hoặc trắng án thì có quyền được bồi thường toàn bộ thiệt hại về tinh thần và vật chất do việc tạm giam gây ra.*

1.1. Bồi thường toàn bộ thiệt hại về tinh thần và vật chất do việc tạm giam gây ra

a) Điều kiện về nội dung

Người yêu cầu bồi thường phải là người đã bị tạm giam trong quá trình tố tụng sau đó có quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án đã có hiệu lực chung thẩm.

➔ Tạm giam

Biện pháp tạm giam có thể được áp dụng trong khuôn khổ thủ tục điều tra tư pháp hay thủ tục triệu tập ra toà xét xử ngay; có thể được yêu cầu áp dụng chính thức hay là kết quả của việc huỷ một biện pháp giám sát tư pháp.

➔ Quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án đã có hiệu lực chung thẩm

Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ phân biệt trường hợp bị cáo bị kết án một phần. Nếu quyết định buộc tội căn cứ vào những hành vi mà người thực hiện hành vi đó có thể bị phạt tù giam và cho phép tạm giam thì yêu cầu bồi thường không được chấp nhận. Trong trường hợp ngược lại thì yêu cầu bồi thường được chấp nhận.

b) Các trường hợp không được bồi thường

Điều 149 Bộ luật tố tụng hình sự quy định giới hạn 5 trường hợp không được bồi thường:

➔ Thiếu trách nhiệm của đương sự

➔ Ân xá

➔ Tự nhận mình phạm tội hoặc để cho buộc tội sai nhằm tạo điều kiện cho thủ phạm thực sự không bị truy tố

➔ Hết thời hiệu thực hiện quyền công tố sau khi đương sự được trả tự do

➔ Đương sự đồng thời bị tạm giam vì những lý do khác

c) Các yếu tố không còn giá trị

Một số tình huống đã có một thời gian dài tác động đến nguyên tắc bồi thường và việc xác định số tiền bồi thường. Ngày nay, các yếu tố đó không còn giá trị:

➔ Có sự bất cập trong vận hành của bộ máy tư pháp

➔ Hành vi của đương sự

Tìm hiểu thái độ của người trong quá trình điều tra và đánh giá tác động của nó đối với biện pháp tạm giữ.

➔ Hành vi của người thứ ba

Thường xảy ra đối với việc sa thải người lao động, được đưa ra sau khi có quyết định tạm giữ.Việc sa thải sau khi có quyết định tạm giữ không có tác động đến quyền đòi bồi thường.

1. 2. Đánh giá thiệt hại và thanh toán tiền bồi thường

a) Đánh giá thiệt hại

Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ đã khẳng định một cách rõ ràng là chỉ có các *thiệt hại cá nhân*, *trực tiếp liên quan đến việc tước bỏ quyền tự do* mới được bồi thường.

➔ Thiệt hại về vật chất

Nguyên tắc trách nhiệm bồi thường thiệt hại được áp dụng. Như vậy, phải chứng minh được *mối quan hệ nhân quả giữa việc tạm giữ và thiệt hại đã phải chịu.*

- Thiệt hại về tinh thần

Phải được *bồi thường trong mọi trường hợp*, ngay cả khi không có giấy tờ làm chứng, vì việc giam giữ thì chắc chắn là sẽ gây ra thiệt hại về tinh thần. Tuy nhiên, trong trường hợp này cũng phải chứng minh *mối quan hệ nhân quả giữa việc tạm giam và thiệt hại tinh thần đã phải chịu*.

➔ Đánh giá bằng giám định

Nguyên tắc này đã được quy định tại điều 149 của Bộ luật tố tụng hình sự.

b) Thanh toán tiền bồi thường

Theo quy định tại điều 150 Bộ luật tố tụng hình sự, việc thanh toán tiền bồi thường là *trách nhiệm của Nhà nước*.

1.3. Trình tự thủ tục

Theo quy định tại điều 149-2 Bộ luật tố tụng hình sự, việc bồi thường quy định tại điều 149 của Bộ luật này được thực hiện theo quyết định của *Chánh án Toà án phúc thẩm nơi quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án đã được công bố*.

a) Thẩm quyền giải quyết thuộc về Chánh án các toà án phúc thẩm

➔ Quyền yêu cầu

Điều 149-2 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định Chánh án toà án phúc thẩm thụ lý giải quyết việc bồi thường khi nhận được *yêu cầu*, trong thời hạn *6 tháng* kể từ ngày quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án có hiệu lực chung thẩm. Sự tham gia của luật sư là không bắt buộc.

➔ Trình tự thủ tục

Điều 149-4 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định Chánh án toà án phúc thẩm giải quyết việc bồi thường với tính chất như một toà dân sự, theo thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự mới.

Cán bộ tư pháp của Kho bạc và Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Toà án phúc thẩm trình bày kết luận của mình.

Về nguyên tắc, phiên xét xử là công khai, trừ trường hợp người yêu cầu xét xử kín.

➔ Quyết định

Theo quy định tại điều 149-2 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định của Chánh án toà án phúc thẩm *phải nêu rõ căn cứ* và đương nhiên có hiệu lực thi hành. Bản sao của quyết định phải được gửi cho Viện trưởng Viện công tố, Bộ Tư pháp và Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ.

b) Kháng cáo, kháng nghị lên Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ

Theo quy định tại điều 149-3 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định của Chánh án toà án phúc thẩm có thể bị *kháng cáo, kháng nghị* lên Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ.

Thành phần của Uỷ ban gồm Chánh án và hai thẩm phán của Toà án tư pháp tối cao, ở cấp chánh toà, thẩm phán cấp1 (cao cấp) hoặc thẩm phán cấp 2, do Văn phòng Toà án tư pháp tối cao chỉ định hàng năm, đồng thời với việc bổ nhiệm ba thành viên dự khuyết.

Chức năng công tố do Viện công tố bên cạnh Toà án tư pháp tối cao đảm nhiệm.

➔ Trình tự thủ tục

Uỷ ban quốc gia về bồi thường các trường hợp bị giam giữ giải quyết việc bồi thường cũng với tính chất như một toà dân sự.

➔ Quyết định

Quyết định phải nêu rõ căn cứ; được ban hành tại phiên xét xử công khai và không thể bị kháng cáo, kháng nghị.

2. Đền bù trong trường hợp miễn tố, tha bổng hoặc trắng án

Điều 800-2 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định: "*Theo yêu cầu của đương sự, toà án đã ra quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án có thể đền bù cho người đã bị truy tố một khoản tiền do mình xác định và được coi như tiền án phí mà Nhà nước phải trả. Khoản tiền này do Nhà nước thanh toán. Toà án cũng có*

thể yêu cầu bên nguyên đơn dân sự phải thanh toán tiền đền bù nếu vụ án được khởi tố theo đơn yêu cầu của bên nguyên đơn dân sự.

1.1. Điều kiện về nội dung

Phải phân biệt đền bù với việc bồi thường quy định tại điều 149 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đền bù liên quan đến bị can, bị cáo đã được cơ quan tư pháp tuyên bố không liên can đến vụ án, kể cả trường hợp chưa từng bị giam giữ trong quá trình tiến hành tố tụng.

Tiền đền bù chỉ để bù lại những chi phí đã mất chứ không bù đắp toàn bộ những thiệt hại đã phải chịu.

Toà án đã ra quyết định miễn tố, tha bổng hoặc trắng án có thẩm quyền xem xét việc đền bù trên cơ sở các chứng từ do đương sự đưa ra.

Điều kiện tính đền bù, thủ tục và phương thức thanh toán tiền đền bù được quy định tại điều R.249-2 và các điều tiếp theo của Bộ luật tố tụng hình sự. *b) Mức trần trong việc xác định tiền đền bù*

Tiền đền bù có thể bao gồm *tiền thù lao cho luật sư, chi phí cho việc ra trình diện trước toà, chi phí đi lại và chi phí ăn ở*. Số tiền đền bù được đánh giá với một mức trần được áp dụng cho mỗi loại chi phí cụ thể.

1.2. Thủ tục

Thủ tục xem xét việc đền bù được gộp vào thủ tục xem xét quyết định khởi tố bị can của Viện Công tố. Do đó, yêu cầu đền bù phải được lập trước khi toà án xem xét quyết định này và quyết định về việc đền bù sẽ được đưa ra cùng với quyết định về phương hướng giải quyết vụ án. Quyền kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm được quy định tại điều R.249-6 của Bộ luật tố tụng hình sự nhưng chỉ có thể thực hiện khi quyết định được ban hành bởi một toà hình sự sơ thẩm.

Sau khi ấn định, tiền đề bù sẽ do Nhà nước thanh toán.

3. Đền bù trong trường hợp kháng cáo, kháng nghị tái thẩm

Theo quy định tại Điều 622 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật có thể bị kháng cáo, kháng nghị tái thẩm vì lợi ích của người

bị kết án trọng tội hoặc khinh tội khi đáp ứng được một số điều kiện, đặc biệt là trong trường hợp phát hiện được tình tiết mới.

Vì việc thụ án trong tù sau khi có bản án đã gây ra thiệt hại nên cần phải bồi thường thiệt hại đó. Theo quy định tại điều 626, Bộ luật tố tụng hình sự, *người nào đã bị kết án mà sau đó được công nhận là vô tội thì có quyền được bồi thường toàn bộ thiệt hại về vật chất và tinh thần do việc kết án gây ra*.

Quyền được bồi thường này đã được *mở rộng ra cho bất kỳ người nào chứng minh được thiệt hại do việc kết án gây ra*.

Tuy nhiên, cũng có một trường hợp ngoại lệ: người nào tự mình cố tình để cho toà án kết án sai để cho người phạm tội không bị truy tố thì không có quyền nhận bồi thường sau khi được công nhận là vô tội.

Nhà nước chịu trách nhiệm thanh toán tiền bồi thường, trừ trường hợp Nhà nước kiện đòi nguyên đơn dân sự, người tố cáo, người làm chứng gian dối phải hoàn trả lại.

SOURCE: Tài liệu lớp bồi dưỡng Thẩm phán
Nhà Pháp luật Việt - Pháp – Học viện Tư pháp
Hà Nội, 31/10-01/11/2005